

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THUẬN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-02-2021  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Thúy An

2. Bà Nguyễn Thị Diên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:**

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn V, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh L và chị Châu kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận. Sau khi cưới nhau vợ chồng anh chị sinh sống tại Khu phố Vĩnh Đông 1, thị trấn Vĩnh Thuận. Trong quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cự cãi. Năm 2009 chị C có mối quan hệ bất chính với người khác, anh L vì thương vợ nên nhiều lần nhắc nhở

bỏ qua nhưng đến tháng 07/2019 chị C bỏ nhà đi cho đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn với chị C.

*Về con chung:* Anh L xác định vợ chồng anh chị không có con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị C để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh L cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng chị C không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị C. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị C không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn anh L yêu cầu ly hôn với bị đơn chị C. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn chị C có nơi cư trú tại khu phố Vĩnh Đông 1, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ

nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] *Về nội dung vụ án:* Anh L và chị C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010, anh và chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thuận và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh với chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn, chị C có mối quan hệ bất chính với người khác, chị đã bỏ nhà đi không rõ lý do. Nay anh L yêu cầu ly hôn nhưng chị C không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị không có văn bản thể hiện ý kiến gì để Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân từ tháng 07/2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị C.

[5] *Về con chung:* Anh L xác định vợ chồng anh L và chị C không có con chung.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, anh L phải chịu toàn bộ án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh C.

2. Về con chung: Anh L xác định vợ chồng anh L và chị C không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định vợ chồng anh L và chị C không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003878 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; anh L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn anh L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Phụng**